

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**
Mã chứng khoán: GVR

Địa chỉ trụ sở: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ giao dịch: 177 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39 325 234

Fax: (84-28) 39 327 341

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Văn Hải Em – Kế toán trưởng,
Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn, Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☒ Bất thường ☐ Định kỳ ☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn tại đường dẫn: <https://rubbergroup.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- Tổ Quản trị Tập đoàn;
- Phòng CNTT;
- Lưu: VT, CBTT.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TCKT**



Phạm Văn Hải Em
Người được ủy quyền công bố thông tin



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 177 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3932 5234 – Fax: (028) 3932 7341

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP

Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2021 với nội dung cụ thể như sau:

1. **Thời gian tổ chức Đại hội:** 08:00 ngày 29/10/2021

2. **Hình thức tổ chức:** Trực tuyến.

3. **Điểm cầu trực tuyến:** Hội trường tầng 1, Trụ sở Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần, số 177 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

4. **Đường dẫn truy cập tham dự Đại hội trực tuyến:** Quý cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://ezgsm.fpts.com.vn/> và **đăng nhập bằng tài khoản ghi trên Thư mời gửi Quý cổ đông.**

(Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được mở cho đến khi Đoàn Chủ tịch thông báo kết thúc Đại hội)

5. **Chương trình Đại hội:** Gửi kèm theo thông báo mời họp này.

6. **Tài liệu Đại hội:** Các tài liệu phục vụ Đại hội sẽ đăng tải trên website Tập đoàn: www.rubbergroup.vn, mục Quan hệ cổ đông.

7. **Ủy quyền tham dự Đại hội:** Nếu Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự, vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền dự ĐHĐCĐ* và gửi về Tập đoàn trước 16:00 ngày **25/10/2021** (*Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký trực tiếp. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền*).

8. **Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần

- Địa chỉ: 177 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 3932 5234 – Fax: (028) 3932 7341

Liên hệ: Ông Phạm Văn Hải Em – Điện thoại: (028) 3932 5234 – Ext 1901

Thông báo này có thể sử dụng trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Tập đoàn.

Ghi chú: Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Tập đoàn có thể thay đổi theo quy định và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp này (nếu có), Tập đoàn sẽ có thông báo cụ thể và mong nhận được sự thông cảm, hỗ trợ từ Quý cổ đông).

Rất hân hạnh được chào mừng Quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KT. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN



Huỳnh Văn Bảo

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

1. Bên ủy quyền:

Tên cá nhân/tổ chức:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:
(Bằng chữ)

2. Bên nhận ủy quyền:

Tên cá nhân/tổ chức:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:
(Bằng chữ)

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần và có quyền thực hiện mọi quyền, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật./.

....., ngày tháng 10 năm 2021

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Hình thức tổ chức: Trực tuyến.

Địa điểm trực tiếp: Hội trường tầng 1, Trụ sở Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần, số 177 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian tổ chức: 08 giờ 00 ngày 29 tháng 10 năm 2021 (thứ Sáu).

STT	Nội dung
1.	Đón tiếp đại biểu và cổ đông đăng nhập vào phần mềm trực tuyến
2.	Chào cờ
3.	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự
4.	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
5.	Báo cáo thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu
6.	Thông qua Chương trình, Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông
7.	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn và sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn
8.	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn.
9.	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn
10.	Thảo luận; Biểu quyết các nội dung của Đại hội.
11.	Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026: - Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Thông qua số lượng, danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử; - Cổ đông thực hiện bầu cử; - Ban Kiểm phiếu kiểm phiếu bầu Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

STT	Nội dung
12.	Giải lao
13.	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội
14.	Ra mắt Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026
15.	- Công bố Biên bản Đại hội; - Thông qua Nghị quyết Đại hội.
16.	Bế mạc Đại hội

QUY CHẾ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (gọi tắt là “Đại hội”) của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tập đoàn”).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“*Luật Doanh nghiệp năm 2020*”);

2. Điều lệ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 25/6/2021.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “*Đại hội đồng cổ đông trực tuyến*” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội trực tuyến để cổ đông thực hiện các quyền biểu quyết – bầu cử của mình.

2. “*Bỏ phiếu điện tử*” là việc cổ đông/người đại diện theo ủy quyền kết nối Internet và thực hiện biểu quyết – bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Tập đoàn quy định và thông báo.

3. “*Hệ thống bỏ phiếu điện tử*” là hệ thống cung cấp cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. “*Yếu tố định danh*” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.

5. “*Xác thực*” là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.

6. “*Bầu dồn đều*” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số

Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.

7. “*Bầu ghi số*” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện.

8. “*Sự kiện bất khả kháng*” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần có tên trong danh sách tại thời điểm ngày 30/9/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Trường hợp cổ đông không tham dự Đại hội trực tiếp có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ các quy định về ủy quyền dự họp của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Tập đoàn, các quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành văn bản theo mẫu của Tập đoàn.

3. Yêu cầu kỹ thuật

Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối Internet, ...).

4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

a) Quyền của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

– Được tham dự và biểu quyết – bầu cử tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Tập đoàn;

– Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung Chương trình Đại hội.

b) Nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

– Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Việc đăng ký dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được Tập đoàn hướng dẫn cụ thể trong thông báo mời họp;

– Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 thành viên do Tập đoàn chỉ định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của Giấy ủy quyền của cổ đông;
2. Kiểm tra tư cách cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tình hình cổ đông/người đại diện cổ đông dự họp;
3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.

Điều 6. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội tối đa 05 thành viên do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn làm Chủ tọa.

2. Đoàn Chủ tịch Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Đoàn chủ tịch điều hành các hoạt động của Đại hội theo Chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Đoàn Chủ tịch có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

a) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết – bầu cử.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

5. Đoàn Chủ tịch Đại hội có các nhiệm vụ sau:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo Chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua.

b) Đề cử Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu Đại hội.

c) Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận.

d) Trình dự thảo và kết luận các vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

e) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

f) Chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký tên vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

1. Đoàn chủ tịch giới thiệu Ban thư ký gồm 02 thành viên.
2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 thành viên do Đoàn chủ tịch Đại hội cổ đông đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết – bầu cử trực tuyến của các cổ đông tại Đại hội;
 - b) Phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu;
 - c) Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế bầu cử;
 - d) Tiếp nhận kết quả kiểm phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bầu cử và biểu quyết;
 - e) Lập Biên bản kiểm phiếu điện tử và công bố trước Đại hội, bao gồm Báo cáo kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kết quả biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;
 - f) Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo Danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày, buổi sáng ngày 29/10/2021.
2. Hình thức đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định cụ thể trong *Hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử* tại Phụ lục 1 Quy chế này.
3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này.

Điều 11. Nguyên tắc cổ đông tham gia bỏ phiếu biểu quyết – bầu cử

1. Nguyên tắc chung

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến cổ đông của tất cả cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp Đại hội. Mỗi vấn đề biểu quyết có số phiếu biểu quyết tính bằng tổng số cổ phần mà cổ đông sở hữu/người đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Phương thức biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) các vấn đề trong chương trình Nghị sự tại Đại hội thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Tập đoàn quy định và thông báo đối với từng vấn đề:

- a) Chương trình Đại hội;
- b) Quy chế họp của Đại hội;
- c) Số lượng và nhân sự Ban Kiểm phiếu;
- d) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn;
- e) Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn;
- f) Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn;
- g) Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn.;
- h) Quy chế bầu cử HĐQT, BKS;
- i) Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS;
- k) Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- l) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- m) Và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị.

3. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của Tập đoàn được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 12. Thễ lệ biểu quyết bỏ phiếu – bầu cử

Mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đại diện được đại diện tham dự họp theo đăng ký tham dự Đại hội.

Điều 13. Thực hiện bỏ phiếu điện tử

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân thủ theo quy định tại ***Hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử*** tại Phụ lục 1 và ***Hướng***

dẫn chi tiết tham dự trực tuyến Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 tại Phụ lục 2 Quy chế này theo từng nội dung cần biểu quyết – bầu cử.

Điều 14. Kết quả bỏ phiếu điện tử

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được quy định và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tập đoàn.
2. Ban Kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

Điều 15. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội

1. Các Nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm a Khoản 4 Điều 30 Điều lệ Tập đoàn.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.

Điều 16. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập và thông qua bằng hình thức biểu quyết trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm a Khoản 4 Điều 30 Điều lệ Tập đoàn.

3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tập đoàn.

Điều 17. Các trường hợp bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức ĐHĐCĐ và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những trường hợp bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ (*không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số Đại biểu tham dự*) như: Thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ, yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trong trường hợp này, việc tổ chức ĐHĐCĐ do Chủ tọa quyết định và sẽ được thông báo cho cổ đông bằng hình thức thích hợp.

Điều 18. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, thì việc thông báo mời họp Đại hội lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Đại hội lần hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải thông báo mời họp Đại hội lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Quy chế này gồm có 04 chương, 19 điều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tiến hành Đại hội.

Cổ đông, người đại diện nhóm cổ đông tham dự Đại hội, Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế họp của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Khoản 7, Điều 146 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

BAN TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN
VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

*(Ban hành kèm theo Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần)*

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (*Tập đoàn*).

2. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

a) Điều kiện tham dự:

- Có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 30/9/2021 hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp;
- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

b) Cách thức tham dự:

- Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Tập đoàn sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết – bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

- Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Tập đoàn. Đồng thời, để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Tập đoàn có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (*địa chỉ email*), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (*địa chỉ liên lạc*) đối với cá nhân; và Số ĐKKD, Số điện thoại liên hệ, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức. Tập đoàn có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết – bầu cử như đã đề cập tại Khoản 3 Điều này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

- Cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và quy định luật hiện hành. Theo đó, với người đại diện được ủy quyền, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Tập

đoàn sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Tập đoàn cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền theo thông tin ủy quyền do cổ đông cung cấp và được thực hiện như hình thức gửi thông báo mời họp cho các cổ đông (*thông qua thư mời/hòm thư điện tử/số điện thoại*). Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Tập đoàn.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (*nếu có*) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp (*hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Tập đoàn quy định*). Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b) Khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Tập đoàn có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại.

c) Tập đoàn khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

a) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết – bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

b) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Tập đoàn về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

c) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Tập đoàn để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Tập đoàn để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Tập đoàn nhận được thông báo của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu như nguyên nhân là do Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

5. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được tính là dự họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức tham dự trực tuyến tại thời điểm Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông báo cáo kết quả công khai tại Đại hội là Cổ đông và đại diện được ủy quyền đã biểu quyết ít nhất một nội dung trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

6. Thực hiện Ủy quyền

a) Cổ đông có thể ủy quyền theo quy định tại Điều 5. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội tại Quy chế tổ chức Đại hội.

b) Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của Tập đoàn.
- Giấy ủy quyền theo mẫu ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Tập đoàn nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về **trước 16h00 ngày 25 tháng 10 năm 2021**.

c) Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tập đoàn trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tập đoàn nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

d) Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu người đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết – bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

a) Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Đoàn Chủ tịch điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

b) Đối với Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và các đại diện được ủy quyền có thể đặt câu hỏi trực tiếp hoặc gửi câu hỏi về doanh nghiệp thông qua kênh trực tuyến mà Tập đoàn lựa chọn để tổ chức Đại hội hoặc hình thức khác được Tập đoàn hướng dẫn trong Thông báo mời họp. Ban Thư ký có trách nhiệm lưu lại tên Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, mã Cổ

đồng/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) và nội dung câu hỏi.

8. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Kể từ thời điểm nhận được tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền truy cập và biểu quyết – bầu cử các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

b) **Biểu quyết – bầu cử:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu biểu quyết – bầu cử theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết – bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn **một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”** trên Phiếu biểu quyết – bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết – bầu cử tất cả nội dung cần biểu quyết – bầu cử tại một lần biểu quyết – bầu cử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn “Biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết – bầu cử về hệ thống.

c) **Bầu cử:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô trống tại cột “Bầu dồn đều” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô trống tại cột “Bầu dồn ghi số” tương ứng với tên ứng viên được bầu cử. Sau khi hoàn tất nội dung bầu cử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn “Bầu cử” để lưu và gửi kết quả bầu cử về hệ thống.

d) Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể tiến hành biểu quyết – bầu cử bổ sung. Nếu các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không tiến hành biểu quyết – bầu cử bổ sung thì được coi là không biểu quyết – bầu cử với những nội dung này.

e) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết – bầu cử nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết – bầu cử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết – bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

9. Cách thức kiểm phiếu điện tử

a) **Biểu quyết – bầu cử:** Phiếu biểu quyết – bầu cử của mỗi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều được hệ thống ghi nhận theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

b) **Bầu cử:** Hệ thống ghi nhận số phiếu bầu cử cho từng ứng viên của các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia bỏ phiếu.

10. Các sự kiện bất khả kháng

a) Trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Tập đoàn như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền Internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác, ... Tập đoàn huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và đại hội có thể tiếp tục diễn ra, nhưng không quá 60 phút kể từ thời điểm gặp sự cố.

b) Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Đoàn Chủ tịch sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết – bầu cử thông qua trước khi tạm dừng (*nếu có*) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết – bầu cử lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT THAM DỰ TRỰC TUYẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

*(Ban hành kèm theo Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần)*

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần xin gửi tới các Quý cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông hướng dẫn đăng nhập, biểu quyết – bầu cử tại hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến như sau:

1. Đăng nhập vào hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến


Để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần, quý cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://ezgsm.com.vn> và đăng nhập bằng tài khoản đã được gửi trong Thư mời họp của Quý cổ đông.

Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được mở cho đến khi Đoàn Chủ tịch thông báo kết thúc nội dung biểu quyết – bầu cử hoặc kết thúc Đại hội.

2. Đổi mật khẩu

Tập đoàn khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

TRANG CHỦ	BIỂU QUYẾT - BẦU CỬ	ỦY QUYỀN	TÀI LIỆU ĐẠI HỘI	LIVESTREAM	LIÊN HỆ	<u>ĐỔI MẬT KHẨU</u>
-----------	---------------------	----------	------------------	------------	---------	---------------------



Đổi mật khẩu

3. Biểu quyết – bầu cử

Sau khi đăng nhập, Cổ đông thực hiện tích chọn “Biểu quyết – bầu cử trực tuyến”

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP có 11 lần biểu quyết và 02 lần bầu cử theo nội dung Chương trình Đại hội đã được gửi đến Quý cổ đông và công bố trên website của Tập đoàn.

Với các nội dung biểu quyết, Quý cổ đông tick chọn 1 trong 3 ô: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến, sau đó Cổ đông thực hiện nhấn “Biểu quyết”, hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả của Cổ đông.

Với các nội dung bầu cử, Quý cổ đông tick chọn 1 ô “Bầu dồn đều phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu”, sau đó Cổ đông thực hiện nhấn “Bầu cử”, hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả của Cổ đông.

Lưu ý: Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết – bầu cử, của mình cho đến khi Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian biểu quyết – bầu cử tại cuộc họp.


4. Thảo luận

Cổ đông vui lòng gửi câu hỏi thảo luận tại chatbox phía dưới cùng, bên phải giao diện của cổ đông.

Quý cổ đông: Mã cổ đông: Số lượng CP đại diện: CP sở hữu: CP nhận ủy quyền: CP ủy quyền: Tình trạng dự họp:	Tình trạng đại hội: ĐANG TIẾN HÀNH BỎ PHIẾU Tham dự đến: Thời gian còn lại: Ngày Giờ Phút
---	--

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



**Hỗ trợ trực tuyến**

Quý cổ đông có thể gửi câu hỏi đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua box chat này hoặc liên hệ trực tiếp thông qua thông tin tại Tab Liên hệ. Xin cảm ơn.

System

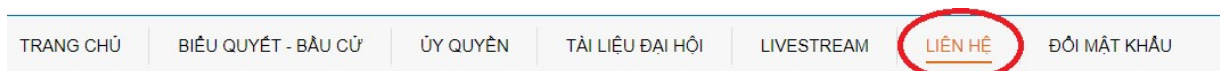
Nhập câu hỏi của bạn vào đây

Gửi

Activate Windows

5. Các tính năng khác bao gồm

* **Tính năng livestream:** Trong ngày Đại hội, cổ đông có thể thực hiện việc theo dõi diễn biến tình hình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



* **Liên hệ:** Mọi ý kiến thắc mắc hoặc câu hỏi chất vấn của Quý vị cổ đông xin vui lòng gửi tới Ban tổ chức theo thông tin tại tab này.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-HĐQTCSVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 898/UBQLV-TCCB ngày 09/6/2021 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐQTCSVN ngày/....../2021 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Hội đồng quản trị Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần (*chi tiết đính kèm*).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban QLVNN tại DN;
- Đăng Website TĐ;
- HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu: VT, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2021

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phân công, phân cấp, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng quản trị Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trên cơ sở thảo luận và thống nhất trong biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành quyết định phân công trách nhiệm đối với từng lĩnh vực của các thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc nhiều lĩnh vực và phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc được phân công. Việc phân công trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Tập đoàn theo từng thời kỳ. Việc điều chỉnh phải có sự trao đổi, bàn bạc trước với các thành viên Hội đồng quản trị liên quan và nội dung sửa đổi phải được thông qua bằng nghị quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc thuộc lĩnh vực được phân công;

f) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong từng thời kỳ;

g) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của điều lệ Tập đoàn;

h) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy chế này, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên;

k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tập đoàn, Quy chế này và quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 03 (ba) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng, cơ cấu hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tập đoàn;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý Tập đoàn, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước;

f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn, là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn;

d) Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật Tập đoàn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Tập đoàn, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- g) Các quyền khác theo Điều lệ Tập đoàn, theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và quy định của Pháp luật có liên quan;

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền

và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- e) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;
- f) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của điều lệ;

c) Trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên được quyền đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tập đoàn. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ của Tập đoàn;

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại

hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
- g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quản trị Tập đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn vì lợi ích của Tập đoàn, của cổ đông;
- b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn;
- c) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ Tập đoàn;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 22, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 49 của Điều lệ Tập đoàn;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của Tập đoàn;
- j) Thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị đề Tổng Giám đốc quyết định tiếp nhận, thôi việc, kỷ luật, ... nhân sự tại Công ty Mẹ - Tập đoàn.
- k) Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Trưởng các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn;
- l) Quyết định hoặc thỏa thuận về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người giữ chức danh chức vụ tại các đơn vị thành viên theo phân cấp quản lý của Tập đoàn; thực hiện theo quy định của Đảng ủy Tập đoàn và Hội đồng quản trị về quản lý người giữ chức danh chức vụ, người đại diện vốn trong Tập đoàn.
- m) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- n) Cử Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn và cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó;
- o) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Tập đoàn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tập đoàn;
- q) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Tập đoàn (nếu có);
- r) Hội đồng Thi đua khen thưởng Tập đoàn trình Hội đồng quản trị thông qua việc xem xét, phê duyệt các danh hiệu thi đua khen thưởng Tập đoàn.
- s) Quyết định cơ cấu tổ chức Tập đoàn; Quyết định thành lập, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tập đoàn và việc góp vốn, thoái vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp khác;

- t) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- u) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tập đoàn lên Đại hội đồng cổ đông;
- v) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- w) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- x) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- y) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- z) Đề xuất Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tập đoàn;
- aa) Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- bb) Quyết định các quy chế, quy trình, quy định quản trị nội bộ Tập đoàn thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tập đoàn;
- cc) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ Tập đoàn.
- dd) Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tập đoàn;
- ee) Thành lập hoặc giải thể các công ty con của Tập đoàn;
- ff) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 22 và khoản 1, khoản 3 Điều 49 Điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tập đoàn;
- gg) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tập đoàn ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tập đoàn;
- hh) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tập đoàn;
- ii) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- jj) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- kk) Việc định giá tài sản góp vào Tập đoàn không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tập đoàn, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- ll) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- mm) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tập đoàn;

nn) Các quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê duyệt theo các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ Tập đoàn;

oo) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

pp) Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tập đoàn trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo Điều 13 của quy chế hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định, theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm;

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tập đoàn bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua;

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tập đoàn.

Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Tập đoàn. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản của Hội đồng quản trị được đánh số, lưu trữ theo đúng quy định về quản lý hành chính hiện hành. Trong trường hợp ý kiến của Tổng Giám đốc khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông và cơ quan có thẩm quyền để xử lý; trong thời gian chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 52 Điều lệ Tập đoàn được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng một trong hai cách: biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không thể tổ chức họp.

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%) có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

b) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

c) Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 mục b Điều 13 Quy chế này phải được khẳng định lại các nội dung đã thông qua bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

d) Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

4. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

5. Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

5.1. Những nội dung phải thông qua Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ Tập đoàn.

5.2. Những nội dung về kế hoạch, đầu tư, kinh doanh:

a) Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn đề trình chủ sở hữu vốn;

b) Xác định mục tiêu hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ Tập đoàn;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, phê duyệt quyết toán dự án đầu tư trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f) Thông qua chủ trương liên kết đầu tư giữa Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên với các đơn vị khác; các giải pháp quan trọng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

h) Phê duyệt hoặc thỏa thuận suất đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su KTCB (kể cả điều chỉnh suất đầu tư).

5.3. Những nội dung về thanh lý vườn cây, giao đất địa phương:

a) Chủ trương, kế hoạch thanh lý cao su hàng năm để tái canh – trồng lại của Tập đoàn;

b) Chủ trương, quyết định thanh lý vườn cây cao su (KTCB, khai thác) do các nguyên nhân thiên tai (hạn hán, mưa, gió, bão, cháy); kém hiệu quả;

c) Thỏa thuận chủ trương trả đất về địa phương theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt của địa phương.

5.4. Những nội dung về tái cơ cấu, sắp xếp quy mô các đơn vị:

a) Chủ trương thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, góp vốn vào các đơn vị thành viên, các công ty con, đơn vị khác, việc mua lại cổ phần;

b) Về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ tại Công ty mẹ Tập đoàn và đơn vị thành viên.

5.5. Những nội dung về tài chính:

a) Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên theo quy định;

b) Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi;

c) Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn

đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt;

d) Việc vay nợ của Công ty mẹ Tập đoàn; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua bồi thường của Tập đoàn, việc thực hiện thế chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên (trong những trường hợp đặc thù);

e) Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên;

f) Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ Tập đoàn;

g) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

5.6. Những nội dung về tổ chức:

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của Tập đoàn;

b) Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Trưởng các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn;

c) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn;

d) Quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn và cử Người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác; quyết định mức thù lao, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức Tập đoàn; Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Tập đoàn và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f) Văn bản quy định về công tác định biên lao động, xây dựng thang bảng lương và chi trả tiền lương đối với người quản lý và người lao động Việt Nam ở các công ty cao su tại Campuchia và Lào thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Tập đoàn (nếu có).

5.7. Những nội dung mang tính chất chỉ đạo và các chủ trương khác:

a) Chỉ đạo về việc sử dụng vốn đầu tư của các đơn vị thành viên Tập đoàn;

b) Chủ trương chỉ đạo về việc tăng cường hiệu quả sử dụng đất và năng suất vườn cây và các nội dung khác theo thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

c) Thông qua quy trình kỹ thuật chế biến, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các quy trình sản xuất khác của Tập đoàn;

d) Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp hằng năm đối với các đơn vị thành

viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

e) Chủ trương bán tài sản chưa khấu hao hết, việc tổ chức lại hoặc phá sản công ty.

5.8. Các quy chế, quy trình, quy định về quản trị nội bộ trong Tập đoàn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Các quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách:

6.1. Những nội dung thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6.2. Những nội dung phát sinh thường xuyên do Hội đồng quản trị quyết định theo các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ Tập đoàn, bao gồm:

a) Quyết định về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên;

b) Quyết định hoặc thỏa thuận cho cán bộ (thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị) đi công tác hoặc tham quan du lịch nước ngoài;

c) Quyết định hoặc thỏa thuận việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên;

d) Quyết định hoặc thỏa thuận kế hoạch năm của các đơn vị thành viên trên cơ sở kế hoạch chung của Tập đoàn;

e) Quyết định hoặc thỏa thuận việc thanh lý cao su, trả đất về địa phương trên cơ sở kế hoạch, chủ trương chung đã có nghị quyết Hội đồng quản trị; thỏa thuận chủ trương trả đất về địa phương theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt của địa phương;

f) Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn đối với các dự án Hội đồng quản trị đã phê duyệt;

g) Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

h) Thỏa thuận các chỉ tiêu tài chính, nội dung khác để các đơn vị tổ chức Đại hội cổ đông, tổng kết, tổ chức thực hiện v.v... trên cơ sở kế hoạch và chủ trương chung của Tập đoàn;

i) Chủ trương về việc nhượng bán quyền khai thác mủ trên vườn cây cao su tại các đơn vị thành viên;

j) Quyết định thành lập các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các tổ chức thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị;

k) Quyết định hoặc văn bản huy động kinh phí quản lý, kinh phí khác cho Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên;

l) Phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động, kế hoạch kinh phí đào tạo từ quỹ tập trung

của Tập đoàn, kế hoạch mua sắm của Công ty mẹ Tập đoàn và đơn vị thành viên thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

m) Các quyết định hoặc văn bản thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trên cơ sở chủ trương chung của Tập đoàn;

n) Báo cáo gửi Chính phủ và các cơ quan quản lý về tình hình sản xuất kinh doanh Tập đoàn hoặc công văn xin cơ chế, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

o) Chỉ đạo thực hiện các nội dung kết luận của các cơ quan quản lý nhà nước đảm bảo các hoạt động toàn Tập đoàn luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

p) Ban hành văn bản thực hiện chính sách pháp luật, chỉ đạo quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

q) Văn bản chỉ đạo Ban điều hành, người quản lý khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

r) Các Quyết định, chỉ đạo do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị ban hành phải được tổng hợp và báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị liên kế; các thành viên Hội đồng quản trị có quyền có ý kiến nếu nhận thấy là không phù hợp.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tập đoàn và chủ sở hữu, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc

thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác phải được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau

thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Các trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do điều lệ quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tập đoàn.

Tùy theo từng cuộc họp Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mở rộng thêm thành phần dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

12. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thay cho việc triệu tập họp thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị

phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay, qua email hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị.
- Mục đích lấy ý kiến.
- Vấn đề cần lấy ý kiến.
- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Tập đoàn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Thư ký Hội đồng quản trị đúng thời hạn ghi trên phiếu lấy ý kiến; nếu quá thời hạn mà không gửi lại phiếu lấy ý kiến được xem như biểu quyết tán thành. Trong trường hợp không thể kịp gửi lại, thành viên Hội đồng quản trị có thể cho ý kiến trước bằng email hoặc tin nhắn gửi đến Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 Kiểm soát viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.
- Tổng số phiếu gửi đi, tổng số phiếu thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.
- Họ tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

7. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được Thư ký Hội đồng quản trị lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của Tập đoàn.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên

Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tập đoàn;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tháng hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ chuyên trách thì được trả lương theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên, tiền lương cho thành viên chuyên trách theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và tiền lương thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tập đoàn thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tập đoàn đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tập đoàn.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Tập đoàn;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập đoàn;
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Tập đoàn.

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

4. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Hội đồng quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị; điều hành hoạt động hàng ngày của Tập đoàn, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Tập đoàn, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Tập đoàn và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc, có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Tập đoàn.

4. Tổng Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn và các sự cố bất ngờ hoặc

các quyết định trong trường hợp liên quan đến thời cơ và cơ hội kinh doanh trên cơ sở lợi ích của Tập đoàn. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Hội đồng quản trị, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định này.

5. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

6. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc giải trình các quyết định liên quan đến hoạt động điều hành nhưng không can thiệp trực tiếp vào các công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và quyết định đối với các kiến nghị, đề nghị của Tổng Giám đốc trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

8. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tập đoàn thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị để đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó cho phù hợp. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp, Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc quý, năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong thời kỳ tới của Tập đoàn cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn, thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị đại diện tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được chủ tịch Hội đồng quản trị cử tham dự phiên họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất cho Hội đồng quản trị.

11. Các đề án, chương trình do Hội đồng quản trị chủ trì xây dựng, Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp các nguồn lực và chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy nghiệp vụ thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị chỉ đạo, phân công.

12. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

13. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Tập đoàn xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

14. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tập đoàn hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng

quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

15. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tập đoàn

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát kịp thời.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu, tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

5. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chấp hành và thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Đảng ủy Tập đoàn về nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ; phối hợp với Công đoàn Cao su Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Hội đồng quản trị đảm bảo cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 27. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá năm (05) năm. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm. Tiêu chuẩn,

điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn được quy định tại Khoản 6, Điều 37 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

2. Tổ quản trị Tập đoàn

Tổ quản trị Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định thành lập; trong đó Người phụ trách quản trị Tập đoàn làm Tổ trưởng. Tổ trưởng Tổ quản trị thực hiện hoặc có thể phân công một thành viên trong Tổ thực hiện nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Tổ quản trị được quy định tại quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.

3. Thư ký Hội đồng quản trị

Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị quy định như sau:

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, các cán bộ quản lý khác, các cơ quan trong và ngoài Tập đoàn....

b) Thông báo cho Văn phòng Tập đoàn chuẩn bị địa điểm, vật chất, trang thiết bị phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

c) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.

d) Ghi Biên bản phiên họp, tham gia kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.

e) Tiếp nhận, soạn thảo, trình ký và luân chuyển các văn bản liên quan của Hội đồng quản trị.

f) Chuyển giao các hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị cho bộ phận Văn thư Tập đoàn lưu trữ.

g) Lên lịch công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị để bố trí phối hợp công tác với các bộ phận có liên quan.

h) Đi công tác với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổ trưởng Tổ quản trị phân công.

4. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để chuyên môn hóa, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công ở thời điểm thích hợp.

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và một số tiểu ban khác nếu thấy cần thiết (như Tiểu ban đạo đức, Tiểu ban giải quyết xung đột, Tiểu ban quản lý rủi ro...). Thời hạn hoạt động, tiêu chuẩn của các thành viên, chức năng cụ thể của từng Tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được quy định tại quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.

Thành viên và thẩm quyền của các Tiểu ban được quy định cụ thể tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban và thành viên của tiểu ban để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đã đặt ra.

5. Ngoài bộ máy giúp việc tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Hội đồng quản trị có thể có các trợ lý, chuyên viên giúp việc, sử dụng bộ máy điều hành, bộ máy giúp việc Tập đoàn hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Đảm bảo các điều kiện làm việc khác của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, tiền lương và các lợi ích khác như quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Bộ phận Văn thư thuộc Văn Phòng Tập đoàn có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các công văn, tài liệu và văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, chuyển tiếp đến Ban điều hành, các Ban, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và/hoặc các thành viên Hội đồng quản trị có liên quan để tham mưu, xử lý theo quy định.

3. Hội đồng quản trị có quyền làm việc, chất vấn, trao đổi trực tiếp và yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban nghiệp vụ Tập đoàn, các cán bộ có liên quan của Tập đoàn, người giữ chức danh chức vụ tại các công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo định. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Tập đoàn và của đơn vị theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định hiện hành, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của Hội đồng quản trị đều sao gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ quản trị.

5. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Tập đoàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý Tài chính của Tập đoàn.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp các văn bản quy

định của Nhà nước có thay đổi. Trường hợp Quy chế chưa thay đổi thì thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Những nội dung liên quan đến hoạt động và các vấn đề khác của Hội đồng quản trị không có trong Quy chế này, thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước, Điều lệ Tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn bao gồm 07 Chương, 30 Điều.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn, lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-HĐQTCSVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 898/UBQLV-TCCB ngày 09/6/2021 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 2790/CSVN-BKS ngày 24/9/2021 của Ban Kiểm soát Tập đoàn về việc thống nhất Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐQTCSVN ngày/...../2021 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Hội đồng quản trị Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần (*chi tiết đính kèm*).

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban QLVNN tại DN;
- Đăng Website TD;
- HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu: VT, TCNS.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2021

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn.
3. Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tập đoàn.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát có ít nhất (01) một thành viên chuyên trách.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Ban kiểm soát có thể bổ sung thêm một số chuyên viên giúp việc.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Tập đoàn, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn;

- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tập đoàn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 3 Quy chế này, Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị;
- đ) Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát và các chuyên viên của Ban;
- e) Ủy quyền cho thành viên Ban kiểm soát khác đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;
- f) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn;
- g) Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo hàng năm sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- h) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cử, ứng cử người tham gia Ban kiểm soát; Số lượng ứng viên được quyền đề cử, ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tập đoàn.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
26. Thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kế hoạch tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
27. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát, được quyền yêu cầu lãnh đạo Đơn vị thành viên, người đại diện của Tập đoàn tại các Đơn vị thành viên cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
28. Trong trường hợp cần thiết Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Tập đoàn tham gia thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tập đoàn.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tập đoàn hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trưởng họp vắng mặt, Trưởng Ban ủy quyền cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban. Ban kiểm soát phải họp ít nhất một (01) quý một (01) lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị;

b) Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban kiểm soát;

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành Tập đoàn khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tập đoàn.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát thông qua Hội đồng quản trị để tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Quan hệ với cổ đông

1. Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 9, Điều lệ Tập đoàn kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

a) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

c) Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Tập đoàn, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tập đoàn trước ít nhất [48] giờ.

đ) Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

2. Trưởng Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát được sử dụng con dấu của Tập đoàn trong việc phát hành các văn bản của Ban kiểm soát; được Văn phòng và các Ban của Tập đoàn cung cấp thông tin về quản lý nghiệp vụ theo hệ thống phát hành văn bản trong nội bộ Tập đoàn;

3. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp giao ban Tổng giám đốc, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Tập đoàn với các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn và các cuộc họp sơ kết, tổng kết của Tập đoàn.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

2. Các Nghị Quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi đến Tổng Giám đốc;

3. Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Tập đoàn, thì thành viên Ban kiểm soát kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng Ban kiểm soát bàn bạc với Hội đồng quản trị giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

4. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét đề đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

5. Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát để thẩm định, chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

6. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Trong trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 24. Quan hệ với các Kiểm soát viên kiêm nhiệm tại doanh nghiệp khác (người của Tập đoàn)

1. Người lao động đang làm việc và hưởng lương tại Tập đoàn, được Tập đoàn cử tham gia làm Kiểm soát viên kiêm nhiệm tại các doanh nghiệp có hoặc không có phần vốn góp của Tập đoàn (sau đây gọi tắt là Kiểm soát viên kiêm nhiệm) có trách nhiệm gửi tất cả các Báo cáo kiểm soát của mình và của Ban Kiểm soát tại doanh nghiệp đó cho Người đại diện; đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát Tập đoàn.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Kiểm soát viên kiêm nhiệm kịp thời báo cáo với Tập đoàn (qua Người đại diện và Ban Kiểm soát Tập đoàn) khi doanh nghiệp không thực hiện đúng chỉ đạo của Tập đoàn hoặc có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm các quy định quản lý nội bộ của doanh nghiệp, của Tập đoàn, có nguy cơ ảnh hưởng đến việc bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn; trong báo cáo đồng thời đề xuất, kiến nghị các biện pháp chấm dứt, khắc phục hậu quả các sai phạm trên.

Điều 25. Quan hệ với các đơn vị thành viên

1. Đối với các công ty TNHH một thành viên :

a) Hội đồng Thành viên công ty TNHH Một thành viên thuộc Tập đoàn gửi các Nghị quyết cho Hội đồng quản trị Tập đoàn thì đồng thời gửi Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Hội đồng quản trị để theo dõi, giám sát;

b) Khi kết thúc niên độ tài chính năm đơn vị có trách nhiệm gửi Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán độc lập về Ban kiểm soát Tập đoàn để giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư, tình hình tài chính của đơn vị;

c) Định kỳ hàng quý, năm, Kiểm soát viên các công ty TNHH Một thành viên căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra giám sát đã được Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt gửi báo cáo kiểm tra, giám sát có nhận xét, đề xuất, kiến nghị (nếu có) cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tập đoàn, thì đồng thời gửi Ban kiểm soát Tập đoàn;

d) Khi có kế hoạch công tác của Ban kiểm soát Tập đoàn tại đơn vị mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Người đại diện vốn của Tập đoàn tại đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên các công ty TNHH Một thành viên cùng phối hợp làm việc và cung cấp các thông tin liên quan.

2. Đối với các công ty Tập đoàn giữ cổ phần và vốn góp chi phối :

a) Người đại diện vốn hoặc Người đại diện giữ số vốn cao nhất (trong trường hợp có từ 02 người đại diện vốn trở lên) của Tập đoàn có trách nhiệm gửi cho Ban kiểm soát Tập đoàn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông theo định kỳ hay bất thường, nhằm kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như việc thực hiện các thỏa thuận mà Tập đoàn đã thỏa thuận để người đại diện vốn thực hiện các quyền của mình trong việc quản lý công ty;

b) Khi kết thúc niên độ tài chính Người đại diện vốn hoặc Người đại diện giữ số vốn cao nhất (trong trường hợp có từ 02 người đại diện vốn trở lên) của Tập đoàn có trách nhiệm gửi Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán độc lập cho Ban kiểm soát Tập đoàn;

c) Người đại diện vốn của Tập đoàn tại đơn vị đề nghị Trưởng Ban kiểm soát đơn vị gửi báo cáo kiểm tra, giám sát hàng quý, năm cho Ban kiểm soát Tập đoàn để theo dõi, giám sát;

d) Khi có kế hoạch công tác của Ban kiểm soát Tập đoàn tại đơn vị mình thì Người đại diện vốn của Tập đoàn tại đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Đối với Công ty liên kết :

a) Người đại diện vốn hoặc Người đại diện giữ số vốn cao nhất (trong trường hợp có từ 02 người đại diện vốn trở lên) của Tập đoàn có trách nhiệm gửi cho Ban kiểm soát của Tập đoàn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông theo định kỳ hay bất thường, báo cáo của Ban kiểm soát công ty, nhằm giám sát tình hình thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như việc thực hiện các thỏa thuận mà Tập đoàn đã thỏa thuận để người đại diện vốn thực hiện các quyền của mình trong việc quản lý công ty;

b) Khi kết thúc niên độ tài chính Người đại diện vốn hoặc Người đại diện giữ số vốn cao nhất (trong trường hợp có từ 02 người đại diện vốn trở lên) của Tập đoàn có trách nhiệm gửi Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán độc lập cho Ban kiểm soát Tập đoàn;

c) Khi có kế hoạch công tác của Ban kiểm soát Tập đoàn tại đơn vị mình thì Người đại diện vốn của Tập đoàn tại đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn, lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần bao gồm 07 chương, 27 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**